TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2025.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Bình;

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Ngọc D; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn D1; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Ngọc D và anh Hồ Văn D1 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 192 ngày 28 tháng 9 năm 2017. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 (Một) người con chung tên Hồ Kim X, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Hà Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Văn D1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 (Một) người con chung tên Hồ Kim X, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Văn D1: Bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị D và anh D1 chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau. Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 (Một) con chung tên Hồ Kim X, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Hà Ngọc D để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng nguyên đơn chị Hà Ngọc D có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn chị Hà Ngọc D không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hà Ngọc D.

- Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hồ Văn D1 đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Hồ Văn D1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Văn D1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Hà Ngọc D và anh Hồ Văn D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 192 ngày 28 tháng 9 năm 2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D1.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn nhân chị D và anh D1 chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một một thời gian chung sống chị D và anh D1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau. Tòa án đã triệu tập chị D và anh D1 để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh D1 không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh D1 cũng không có ý kiến gì việc chị D xin ly hôn, cho thấy anh D1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh D1 cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh D1 có 01 (Một) người con chung tên Hồ Kim X, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 đã trưởng thành có khả năng lao động, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định là không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D là người có đơn xin ly hôn, chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Ngọc D và anh Hồ Văn D1.

2. Về con chung: Hồ Kim X, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 đã trưởng thành có khả năng lao động, không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007728 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh